

Bản án số: 152/2019/DS-PT
Ngày: 26-11-2019
V/v tranh chấp Ranh đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Hồ Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nghiệp-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19-11-2019 và 26-11-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2019/TLPT-DS ngày 05-4-2019, về việc “Tranh chấp Ranh đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 22-02-2019 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2019/QĐ-PT ngày 08-10-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn L; Sinh năm: 1938; Địa chỉ cư trú: Số B, ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L: Bà Đỗ Thị Kiều M; Sinh năm: 1971; Địa chỉ cư trú: Số B, ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; theo Giấy ủy quyền ngày 17-4-2019. (có mặt)

2. Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1965; Địa chỉ cư trú: Số B, ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Bà Đỗ Thị Kiều M; Sinh năm: 1971; Địa chỉ cư trú: Số B, ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; theo Giấy ủy quyền ngày 02-5-2018. (có mặt)

3. Nguyễn Văn B; Sinh năm: 1972; Địa chỉ cư trú: Số B, ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B: Bà Đỗ Thị Kiều M; Sinh năm: 1971; Địa chỉ cư trú: Số B, ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; theo Giấy ủy quyền ngày 17-4-2019. (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bạch Sỹ C-luật sư của Văn phòng luật sư Bạch Sỹ C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ văn phòng: Số A, đường N, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn B1; Sinh năm: 1950; Địa chỉ cư trú: Số B, ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1950; Địa chỉ cư trú: Số 109, ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà NLQ10, Sinh năm: 1983; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; theo Giấy ủy quyền ngày 27-12-2018. (có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà NLQ1; Sinh năm: 1970; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà NLQ2; Sinh năm: 1975; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Bà NLQ3; Sinh năm: 1977; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Ông NLQ4; Sinh năm: 1960; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Ông NLQ5; Sinh năm: 1963; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3 và ông NLQ5: Bà Đỗ Thị Kiều M; Sinh năm: 1971; Địa chỉ cư trú: Số B, ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; theo Giấy ủy quyền ngày 26-7-2018. (có mặt)

6. Bà NLQ6; Sinh năm: 1969; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7. Bà NLQ7; Sinh năm: 1973; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

8. Bà NLQ8; Sinh năm: 1976; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

9. Ông NLQ9; Sinh năm: 1981; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

10. Bà NLQ10; Sinh năm: 1983; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

11. Bà NLQ11; Sinh năm: 1978; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

12. Ông NLQ12; Sinh năm: 1971; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Khi còn sống, bà Lê Thị H1 cùng gia đình đã quản lý sử dụng phần đất để cất nhà ở và trồng vườn, sau đó kê khai và đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích là 1.518,6 m², tại thửa số 22, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Liên kề với phần đất nêu trên của gia đình bà H1 là phần đất của gia đình ông Nguyễn Văn B1 và bà Nguyễn Thị H. Ranh đất của gia đình bà H1 và gia đình ông B1, bà H là con mương đang có tranh chấp, theo đo thực tế hiện nay thì chiều ngang giáp lộ là 6,2m, đo từ phía đất gia đình nguyên đơn tới mé ngoài của cái miếu cũ đã bị đập bỏ là 3,1m, đo từ mé miếu về phía đất của gia đình bị đơn là 3,1m, chiều ngang phía trong ruộng là 0,7m, chiều dài 02 phần đất giáp nhau là 65,84 và 69,56m, diện tích là 232,8m².

Trong quá trình sử dụng đất, gia đình bị đơn B1 và H đã đặt ống bọng vào phần đất có con mương mà các nguyên đơn cho rằng của các nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp ranh đất..

Bà H1 chết năm 2013. Vì vậy, ông Nguyễn Văn L và các con tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B là chồng và là con của bà H1, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông B1 và bà H cùng các con là những người có liên quan tên: NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, Nguyễn Thị Diễm, NLQ11 và NLQ12 phải di dời ống bọng và di dời các cây trồng trên đất, trong đó có cây xay (còn gọi là cây còng) đã được trồng hơn 50 năm để trả phần đất lấn chiếm giáp ranh nêu trên.

* Bị đơn Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Thị H cùng các con là NLQ9 và NLQ10 cùng trình bày như sau: Gia đình bị đơn đã sử dụng phần đất tại thửa 570, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp X, xã T, có diện tích là 5.380 từ rất lâu, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/9/1997 do bị đơn H đứng tên. Phần đất gia đình bị đơn giáp ranh đất gia đình của nguyên đơn là con mương, được xác định từ cột mốc phía sau về phía trước lộ (đo từ cái miếu về phía đất của nguyên đơn là 3,1m), ranh đất là đường thẳng cặp bên cây xay đã được trồng hơn 50 năm, con mương phía ngoài cây xay về phía đất của gia đình nguyên đơn là của nguyên đơn, con mương từ phía cây xay về phía đất của gia đình bị đơn là của bị

đơn. Gia đình bị đơn không lấn chiếm đất nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ4 trình bày như sau: Ông lấy vợ và đã ra ở riêng lâu rồi nên không có ý kiến gì đối với phần đất đang tranh chấp của gia đình ông với gia đình bị đơn B1 và H.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ5, NLQ3 cùng trình bày như sau: Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn.

* Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ11 và NLQ12. Khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn L, T và B tại Thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 443/TB-TLBSVA ngày 12-7-2017 và đã tổng đạt hợp lệ cho những người có liên quan có tên nêu trên, nhưng họ không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Sau đó, Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người liên quan có tên nêu trên tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng họ không tham dự. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 22-02-2019 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào: khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 166 và 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn B về việc kiện đòi bị đơn Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Thị H cùng các con là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tên NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11 và NLQ12 phải di dời ống bọng và các cây trồng để trả cho các nguyên đơn phần đất lấn chiếm giáp ranh có diện tích 232,8m² tại thửa số 22, tờ bản đồ số 24 (theo hồ sơ quản lý đất đai trước đây là thửa 571, tờ bản đồ số 04), tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận như sau:

- + Hướng Đông (phía sau ruộng) giáp đất của bà D có số đo 0,7m.
 - + Hướng Tây giáp lộ bê tông có số đo 6,2m.
 - + Hướng Nam giáp đất gia đình bị đơn B1 có số đo 23,76m + 45,80m
 - + Hướng Bắc giáp đất gia đình nguyên đơn L có số đo 18,36m + 47,48m.
- (có sơ đồ kèm theo)

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết về chi phí thẩm định, định giá, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 07-3-2019, Nguyễn Văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào số đo của 02 thửa đất và cho rằng cây xay là do bị đơn trồng trên đất tranh chấp từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi vì, cây xay không do bị đơn trồng mà là mọc tự nhiên; lời khai của ông M là em của bà H đã xác định con mương (phần đất tranh chấp) là thuộc đất của bà H; đồng thời, theo công văn của Ủy ban nhân dân huyện K cũng đã xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa đất của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn B là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn Nguyễn Văn B1 vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của ông B1 có mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ5 vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của họ có mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ4, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ11, NLQ12 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo lập ngày 05-3-2019 của nguyên đơn Nguyễn Văn B nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện K vào ngày 07-3-2019 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 22-02-2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận phần yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn B1 trả phần đất lấn chiếm cho nguyên đơn có diện tích theo đo đạc thực tế là 232,8m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng:

[4] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05-7-2018 (bút lục số 140-144; 148), Phiếu trích lục hồ sơ địa chính xác nhận tính pháp lý hồ sơ địa chính ngày 17-8-2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng và tài liệu kèm theo (bút lục số 77-80) và biên bản làm việc ngày 25-6-2019 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K (bút lục số 364-365), phần đất tranh chấp có hiện trạng là con mương cấp thoát nước có diện tích là 232,8m² có vị trí ở giữa thửa đất số 22, tờ bản đồ số 24 (số thửa đất cũ là 571, tờ bản đồ số 04) do hộ bà Lê Thị H1 đứng tên trên sổ mục kê, hồ sơ, bản đồ địa chính và thửa đất số 29, tờ bản đồ số 24 (số thửa đất cũ là 570, tờ bản đồ số 04) do hộ bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận phần đất tranh chấp là con mương nước đã được gia đình bà H1 và gia đình bà H sử dụng làm đường cấp thoát nước chung đã hơn 20 năm và phía bị đơn H thừa nhận tại vị trí ở giữa phần đất tranh chấp ở hướng Tây giáp với lộ bê tông có một cái miếu xi măng cũ do bà H1 xây dựng nhờ trên đất của bà H1 nhưng bà H1 không có chứng cứ chứng minh việc bà H1 xây dựng miếu nhờ trên đất của bà H1.

[5] Tại Công văn số 407/UBND.VP ngày 13-9-2018 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (bút lục số 135) xác định: Thửa đất số 570 và thửa đất số 571, tờ bản đồ 04 được biên tập từ ảnh hàng không và số hóa lại thành bản đồ địa chính năm 1992-1994 nên tỷ lệ sai sót là rất lớn. Vị trí hai thửa đất có cạnh tiếp giáp rạch Xóm Đồng, theo hồ sơ địa chính năm 1992-1994, rạch Xóm Đồng có chiều rộng mặt kênh khoảng 10m. Hiện nay đo đạc theo bản đồ chính quy thực tế rạch Xóm Đồng có chiều rộng mặt kênh khoảng 30m. Vậy diện tích đo đạc thực tế của các thửa đất giảm so với hồ sơ địa chính năm 1992-1994 là nhiều nguyên nhân như do sạt lở và một phần do làm đê bao, đường lộ nông thôn... Căn cứ theo kết quả đo đạc thẩm định của Tòa án, đối chiếu lại bản đồ địa chính thì phần đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 571 và một phần thửa đất số 570, tờ bản đồ số 04 cũ.

[6] Đồng thời, theo lời khai của những người làm chứng Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Chúc M, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn M (bút lục

số 99-103) đều xác định con mương là ranh giới của hai thửa đất số 570 và 571 nhưng không rõ vị trí ranh giới cụ thể.

[7] Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định phần đất tranh chấp có hiện trạng là con mương cấp thoát nước có diện tích là 232,8m² là ranh giới giữa hai thửa đất số 570 và 571. Vì vậy, hộ Lê Thị H1 và hộ Nguyễn Thị H, mỗi hộ có quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích phần đất tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn B, xử buộc bị đơn Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn B1 và các thành viên trong hộ Nguyễn Thị H là NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11 và NLQ12 trả cho ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị H1 (do ông Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ5 và NLQ4 đại diện) $\frac{1}{2}$ phần đất tranh chấp với diện tích là 114m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 24 (số thửa đất cũ là 571, tờ bản đồ số 04), tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng với tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đất của bà Nguyễn Thị D có số đo 0,35m; Hướng Tây giáp lộ bê tông có số đo 3,1m; Hướng Nam giáp đất hộ Nguyễn Thị H có số đo 22,09m + 45,56m; Hướng Bắc giáp đất hộ Lê Thị H1 có số đo 18,36m + 47,48m. Hiện trạng phần đất này một phần bờ mương và lòng mương nước.

[8] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận phần yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn B1 di dời ống bọng bằng nhựa có đường kính 40cm, dài 12m do phía bị đơn đặt tại phần đất tranh chấp: Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27-8-2019 (bút lục số 374-380) thì vị trí bị đơn đặt ống bọng bằng nhựa (PVC) thuộc thửa đất số 570 của bị đơn. Mặc dù, việc cấp thoát nước của bị đơn tại ống bọng này có tác động đến nguyên đơn vì hai bên sử dụng $\frac{1}{2}$ mương cấp thoát nước nhưng nếu buộc bị đơn di dời ống bọng sẽ ảnh hưởng đến việc sản xuất của bị đơn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận phần kháng cáo này của nguyên đơn B.

[9] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn B, sửa bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch do phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B1, bà NLQ6, bà NLQ7, bà NLQ8, ông NLQ9, bà NLQ10, bà NLQ11, ông NLQ12 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng.

[11] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Căn cứ vào các điều 157 và 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong vụ án này, các bên đương sự chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền là 16.606.000 đồng. Trong đó, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu số tiền là 8.303.000 đồng; bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B1, bà NLQ6, bà NLQ7, bà NLQ8, ông NLQ9, bà Nguyễn Thị Diễm, bà NLQ11, ông NLQ12 liên đới chịu 8.303.000 đồng. Do nguyên đơn đã tạm nộp toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 16.606.000 đồng, nên nguyên đơn được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng và bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B1, bà NLQ6, bà NLQ7, bà NLQ8, ông NLQ9, bà Nguyễn Thị Diễm, bà NLQ11, ông NLQ12 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 8.303.000 đồng.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là nguyên đơn Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn B. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 22-02-2019 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 166 và 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T. Xử buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B1, bà NLQ6, bà NLQ7, bà NLQ8, ông NLQ9, bà Nguyễn Thị Diễm, bà NLQ11 và ông NLQ12 trả cho ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị H1 (do ông Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ5 và NLQ4 đại diện) quyền sử dụng đất có diện tích là 114m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 24

(số thửa đất cũ là 571, tờ bản đồ số 04), tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, từ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất của bà Nguyễn Thị D có số đo 0,35m;
- + Hướng Tây giáp lộ bê tông có số đo 3,1m;
- + Hướng Nam giáp đất hộ Nguyễn Thị H có số đo 22,09m + 45,56m;
- + Hướng Bắc giáp đất hộ Lê Thị H1 có số đo 18,36m + 47,48m.

Hiện trạng phần đất này một phần bờ mương và lòng mương nước.

Kèm theo Bản án là Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng lập ngày 11-7-2018 và Sơ đồ hiện trạng phần đất tranh chấp.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001075 ngày 19-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B1, bà NLQ6, bà NLQ7, bà NLQ8, ông NLQ9, bà NLQ10, bà NLQ11, ông NLQ12 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu số tiền là 8.303.000 đồng (Tám triệu, ba trăm lẻ ba ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng là 16.606.000 đồng (Mười sáu triệu, sáu trăm lẻ sáu ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B1, bà NLQ6, bà NLQ7, bà NLQ8, ông NLQ9, bà NLQ10, bà NLQ11, ông NLQ12 liên đới chịu 8.303.000 đồng (Tám triệu, ba trăm lẻ ba ngàn đồng). Xử buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B1, bà NLQ6, bà NLQ7, bà NLQ8, ông NLQ9, bà Nguyễn Thị Diễm, bà NLQ11, ông NLQ12 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn T số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.303.000 đồng (Tám triệu, ba trăm lẻ ba ngàn đồng).

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006545 ngày 08-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- TAND huyện K (02 bản);
- Chi cục THADS huyện K(01 bản);
- Các đương sự (20 bản);
- Lưu: VP, HS (05 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ